

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 02/2020/DS-ST
Ngày 07-5-2020
V/v xin ly hôn, yêu cầu nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lưu Thị Nguyệt

Ông Hoàng Văn Đạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Thanh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về vụ xin ly hôn, yêu cầu nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị B, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Dương Thị B trình bày:

Chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn P được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán; chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B số 61/01 ngày 29/9/2010. Sau khi kết hôn chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn P sống với nhau hạnh phúc. Khoảng năm 2015 giữa chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn P đã có phát sinh mâu thuẫn, do anh Nguyễn Văn P không tu chí làm ăn và lao vào con đường nghiện hút, vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau; từ tháng 2/2019 chị Dương Thị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn N, xã H sống, hai vợ chồng

chị B và anh P ly thân từ đó đến nay; hiện tại vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau. Nay chị Dương Thị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị B đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn P có 02 con chung; cháu lớn tên Nguyễn Hoài T, sinh ngày 21/8/2010 và cháu thứ hai tên Nguyễn Gia N, sinh ngày 27/10/2012, khi ly hôn chị Dương Thị B có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh Nguyễn Văn P phải cấp dưỡng 1.000.000 đồng/1 tháng/2 con. Tại phiên tòa hôm nay chị B không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con, khi chị B được nuôi cả hai con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Giữa anh P và chị B có mâu thuẫn như chị B trình bày là đúng. Chị B xin ly hôn với P ban đầu anh P không đồng ý. Sau đó anh cũng đồng ý, thống nhất thuận tình ly hôn theo yêu cầu của chị B tại buổi hòa giải ngày 16/3/2020. Tại phiên tòa hôm nay anh P lại không đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn P cũng thừa nhận anh chị có 02 con chung; cháu lớn tên Nguyễn Hoài T, sinh ngày 21/8/2010 và cháu thứ hai tên Nguyễn Gia N, sinh ngày 27/10/2012. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và yêu cầu chị Dương Thị B cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/1 tháng/2 con. Tại buổi hòa giải ngày 16/3/2020 anh P lại có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung khi anh được nuôi 02 con chung là 3.000.000 đồng/1 tháng/2 con. Tại phiên tòa hôm nay anh P thay đổi ý kiến là cấp dưỡng nuôi con khi anh nuôi 02 con là 2.000.000 đồng/1 tháng/2 con.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn P cho rằng vợ chồng có 01 xe máy nhãn hiệu RXS, mua năm 2014 với giá 24.700.000 đồng. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn P không cung cấp được giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe máy nói trên. Tại phiên tòa hôm nay anh P thừa nhận vợ chồng anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn P là hợp pháp có đăng ký hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Dương Thị B trình bày vợ chồng đã mâu thuẫn nhiều năm, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc đến nhau nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn

Văn P. Anh Nguyễn Văn P cũng thừa nhận anh đã nghiện chất ma túy, nhưng hiện nay đã không dùng nữa mặc dù chưa đi cai nghiện bao giờ. Cả chị B và anh P đều thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng giêng năm 2019 cả hai không còn quan tâm đến nhau.

[3] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn P: Vợ chồng chị B và anh P thường đã thường xuyên đánh, cãi nhau; mỗi người đi làm ăn ở một nơi khác nhau. Anh Nguyễn Văn P không đồng ý ly hôn nhưng cũng không nói lý do để yêu cầu đoàn tụ là gì. Đánh giá tình trạng hôn nhân giữa chị Dương Thị B và anh Nguyễn Văn P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Dương Thị B yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị B là có căn cứ, cần chấp nhận. Đối với yêu cầu đoàn tụ của anh Nguyễn Văn P không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Tại các bản khai ngày 10/3/2020 cháu Nguyễn Hoài T và cháu Nguyễn Gia N đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Dương Thị B khi bố, mẹ ly hôn. Căn cứ theo quy định của pháp luật Hội đồng xét xử quyết định giao cả 02 con chung cho chị Dương Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành; anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Mặc dù anh Nguyễn Văn P có khai là vợ chồng có 01 xe máy nhãn hiệu RXS, mua năm 2014 với giá 24.700.000 đồng. Nhưng anh P không cung cấp được giấy tờ, tài liệu liên quan đến tài sản yêu cầu chia. Tại phiên tòa hôm nay anh P thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị B; giao 02 con chung cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con; chị Dương Thị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị B được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Hoài T, sinh ngày 21/8/2010 và Nguyễn Gia N, sinh ngày 27/10/2012 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Dương Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm đề sung vào công quỹ Nhà nước; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu số AA/2012/05753 ngày 09/12/2019. Chị Dương Thị B đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn; bị đơn. Tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Mạnh Đức